

VỀ CON ĐƯỜNG XÂY DỰNG KINH TẾ TRI THỨC Ở NƯỚC TA

Phan Đình Diệu¹

Chỉ mới trong một thời gian ngắn mà những khái niệm như “kinh tế thông tin”, “kinh tế tri thức” tưởng như xa lạ với chúng ta đã nhanh chóng trở thành hiện thực trên phạm vi toàn cầu, và đối với chúng ta đòi hỏi hội nhập vào nền kinh tế tri thức có tính toàn cầu đó đã trở thành điều không cưỡng được. Một câu hỏi lớn đối với chúng ta là: từ thực trạng kinh tế-xã hội hiện nay, ta có thể xây dựng “kinh tế tri thức” được không? Và nếu có thể, thì cần kết hợp ra sao với nhiệm vụ mà chúng ta đang cố gắng thực hiện trong giai đoạn hiện nay là chuyển biến nền kinh tế nông nghiệp và thực hiện “công nghiệp hoá”? Ta biết rằng không thể đốt cháy giai đoạn, và vì vậy, chỉ có cách là phải nỗ lực bằng hai để thực hiện một nhiệm vụ kép, hay nói chính xác hơn là phải tìm cách kết hợp để thực hiện cả hai nhiệm vụ đó một cách đồng thời, “tuy hai mà một”, hỗ trợ và thúc đẩy lẫn nhau trong một quan niệm thống nhất; nỗ lực bằng hai trước hết phải là nỗ lực đổi mới chính mình, về tư duy, về nhận thức để có quyết tâm lớn tạo dựng những yếu tố nền móng cho sự phát triển kinh tế tri thức ngay trong điều kiện hiện tại. Trong hai bài nghiên cứu trước đây² tôi đã trình bày một số nhận thức về những đặc điểm của nền kinh tế tri thức và xã hội tri thức, về bản thân khái niệm tri thức, các loại tri thức và vai trò của chúng trong việc làm nên sự giàu có của kinh tế, v.v... Vì vậy, trong bài này tôi chỉ xin góp vài ý kiến để cùng trao đổi nhận thức về vấn đề cấp thiết đã nói ở trên là ta cần và có thể làm gì để trên cơ sở tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới hiện nay, kết hợp xây dựng dần những yếu tố nền móng cho một nền kinh tế tri thức của nước ta. Để làm rõ các ý kiến, trước hết tôi xin trình bày sơ lược vài nhận thức về các nguồn lực chủ yếu của nền kinh tế tri thức nói chung, tức cũng là những nguồn vốn cần thiết để phát triển kinh tế tri thức, rồi sau đó xin kiến nghị một số giải pháp có thể thực hiện (hay cần tiếp tục thực hiện) ngay trong điều kiện hiện tại để gây dựng ba nguồn vốn nền tảng có tầm quan trọng quốc gia đối với việc xây dựng kinh tế tri thức, mà ta có thể tạm gọi là: *vốn về kết cấu hạ tầng, vốn con người và vốn xã hội*.

I. Về nguồn lực chủ yếu của kinh tế tri thức.

Nếu đối với các nền kinh tế truyền thống, các nguồn lực chủ yếu là lao động và vốn (bao gồm cả tài nguyên thiên nhiên), thì đối với kinh tế tri thức, nguồn lực chủ yếu là thông tin và tri thức. Tìm hiểu các vấn đề cơ bản: thực chất thông tin và tri thức là gì, thông tin và tri thức tạo nên của cải và sự giàu có như thế nào, làm sao để có được thông tin và tri thức, và tăng được *năng lực tạo tri thức* của một xã hội, ...là có ý nghĩa quan trọng đầu tiên để hiểu được thế nào là kinh tế tri thức.

Nói chung, tri thức là những hiểu biết của con người. Có nhiều loại hiểu biết ở những mức độ và phạm vi khác nhau; một cách khái quát có thể nói: biết *cái gì* là ở mức độ thông tin, biết *tại sao* là ở mức độ các tri thức khoa học, biết *làm thế nào* là những hiểu biết về công nghệ, biết *ai* và *với ai* là các tri thức xã hội, và biết *ở đâu* và *lúc nào* là những hiểu biết cần thiết về kinh doanh, thương mại và làm kinh tế nói chung. Mỗi loại tri thức đó đều có tầm quan trọng của mình, ngày nay, cùng với các tri thức khoa học kỹ thuật và công nghệ, các tri thức về xã hội, về tổ chức và quản lý, ngày càng phát triển

¹ Đại học Quốc gia Hà Nội

² *Xã hội tri thức và vài suy nghĩ về con đường hội nhập của chúng ta*, Tạp chí Xã hội học, số 2, 1999, trang 30-39; và *Tri thức là gì?* Tạp chí Xã hội học, số 4, 1998, trang 10-16.

phong phú và có ý nghĩa to lớn, nhiều trường hợp là quyết định, trong việc tạo nên sự giàu có của một nền kinh tế³.

Tri thức làm ra của cải là do: a) hàm lượng tri thức chứa trong các sản phẩm và dịch vụ ngày càng nhiều, do đó các sản phẩm và dịch vụ luôn có chất lượng ngày càng cao, số lượng các mặt hàng ngày càng phong phú; ngày càng có thêm nhiều sản phẩm và dịch vụ mà nội dung chủ yếu là thông tin và tri thức; b) tri thức là yếu tố chủ yếu trong việc tổ chức làm ra nhiều hàng hoá (sản phẩm và dịch vụ) và biến hàng hoá thành lợi nhuận, đó là tri thức trong tổ chức và quản lý kinh tế, trong kinh doanh, thương mại, v.v... Để có sức cạnh tranh trong môi trường mà “tri thức làm ra của cải” đó, điều cốt yếu là phải có năng lực tiếp thụ nhiều tri thức mới và *sáng tạo ra nhiều tri thức mới*.

Theo truyền thống từ trước, khi nói đến tri thức ta thường hiểu là tri thức khoa học, những tri thức dưới dạng các định luật, định lý,... có tính phổ biến cao, giúp con người nhận thức, lý giải nhiều hiện tượng trong tự nhiên, xã hội, và giúp tạo ra các kỹ thuật, công nghệ trong sản xuất. Tất nhiên, những tri thức loại đó là rất quý, và luôn luôn có giá trị hết sức to lớn. Nhưng, trong đời sống sản xuất, kinh doanh hàng ngày, còn có rất nhiều những loại tri thức đời thường, từ các sáng kiến cải tiến sản phẩm hàng hoá và dịch vụ đến các hiểu biết, kinh nghiệm về kinh doanh, buôn bán, về những “qui luật” cục bộ của thị trường, v.v... , những tri thức như vậy thường có tác dụng đến việc “làm giàu” rất nhanh và rất trực tiếp, phạm vi của chúng thì rất mệnh mông, thiên biến vạn hoá, càng phong phú và đa dạng trong điều kiện thị trường phát triển và mở rộng. Trước đây, những nguồn thông tin và tri thức đó chỉ tồn tại đơn lẻ và tác dụng ít được thấy rõ. Từ vài ba thập niên gần đây, với sự phát triển bùng nổ của công nghệ thông tin, công việc tin học hoá trong các lĩnh vực hoạt động kinh tế, xã hội được đẩy mạnh, các thông tin và tri thức đời thường đó được thu thập, lưu trữ, phân tích, xử lý, được tinh luyện và được sử dụng ngày càng rộng rãi trong sự kết hợp có hiệu quả với các loại tri thức cơ bản khác. Chủ thể tạo ra các tri thức đời thường đó có thể là mọi người lao động có ý thức trong sản xuất, kinh doanh, quản lý kinh tế, và nói chung trong mọi lĩnh vực hoạt động của xã hội.

Nguồn vốn cơ bản cho một nền kinh tế tri thức có thể xem là gồm ba phần chủ yếu: *vốn về kết cấu hạ tầng* để cung cấp phương tiện kỹ thuật hiện đại và môi trường thuận lợi cho việc lưu trữ, truyền đưa, xử lý và trao đổi thông tin cùng các hoạt động thông tin và tri thức trong nền kinh tế và xã hội; *vốn con người* với những con người có tri thức và có năng lực tạo tri thức trong mọi lĩnh vực hoạt động, những con người này sẽ dần chiếm đa số người lao động trong đất nước; và phần rất quan trọng là *vốn xã hội*, bao gồm các cơ cấu tổ chức và vận hành các quan hệ kinh tế và xã hội, thể hiện qua các thể chế, định chế, các năng lực tổ chức và tự tổ chức, các khả năng tái cấu trúc một cách linh hoạt, thích nghi và sáng tạo, v.v... trên cơ sở những tri thức kinh tế và xã hội hiện đại, luôn được cập nhật và đổi mới, để luôn tạo được môi trường xã hội thuận lợi cho sự phát triển kinh tế và cho việc nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

Để xây dựng nền móng cho một nền kinh tế tri thức trong tương lai, ta cần và có thể gây dựng và tích lũy dần ngay từ bây giờ các nguồn vốn cơ bản đó.

II. Một kết cấu hạ tầng thông tin vững mạnh cho đất nước.

Việc tạo vốn kết cấu hạ tầng cho kinh tế tri thức trong giai đoạn khởi đầu hiện nay chính là việc xây dựng *kết cấu hạ tầng thông tin quốc gia* đã được đề cập đến trong

³ Về tri thức, đặc biệt là các đặc điểm của tri thức đời thường và vai trò ngày càng to lớn của chúng trong kinh tế, có thể tham khảo thêm bài *Tri thức là gì?* đã dẫn ở trên.

Nghị quyết 49/CP của Chính phủ từ năm 1993. Kết cấu hạ tầng thông tin đó bao gồm hệ thống các mạng truyền thông-máy tính phủ khắp đất nước với phong phú các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong mọi lĩnh vực, trong các cơ quan quản lý kinh tế, hành chính, trong các doanh nghiệp, các cơ sở khoa học, giáo dục, y tế, văn hoá,..., nối với các mạng thông tin toàn cầu, có khả năng sẵn sàng cung cấp mọi thông tin cần thiết đến mọi người sử dụng, tiến tới là môi trường chung trên đó tiến hành các loại hoạt động kinh tế, thương mại, văn hoá, giáo dục, v.v... Để thực hiện Nghị quyết nói trên, một Chương trình quốc gia về CNTT đã được thành lập và Chính phủ đã phê duyệt một bản Kế hoạch tổng thể cho Chương trình, trong đó việc xây dựng kết cấu hạ tầng thông tin đã chiếm một vị trí quan trọng với hàng loạt các dự án Tin học hoá đối với các khu vực quản lý, kinh tế, tài chính, thương mại, kinh doanh,... Rất tiếc là, mấy năm gần đây, Chương trình CNTT theo các nội dung đó về thực chất đã bị xoá sổ, các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng thông tin quốc gia không còn được mấy quan tâm. Nói đúng ra thì ta cũng đã chi khá nhiều tiền để mua (và để đổi mới) nhiều máy tính, nối mạng khá rộng rãi, nối với Internet và do đó bắt đầu có khả năng thu thập được nhiều thông tin bên ngoài từ các nguồn Internet, v.v... Nhưng, điều chủ yếu nhất là trên các mạng và các máy tính đó, phần thông tin của ta, do ta và phục vụ thiết thực cho việc nâng cao năng lực thông tin của ta trong các hoạt động quản lý, sản xuất, kinh doanh cũng như trong các hoạt động văn hoá, giáo dục, khoa học, thì gần như chưa có được bao nhiêu. Về cơ bản, nước ta vẫn là nước *nghèo thông tin và tri thức*, nền kinh tế vẫn là chậm phát triển và kém sức cạnh tranh trên thế giới.

Tất nhiên, đối với việc xây dựng kết cấu hạ tầng thông tin cho đất nước, bỏ nhiều tiền của ra để sắm được nhiều máy, nhiều mạng với công nghệ tiên tiến của thế giới, tạo nên một vẻ ngoài “hiện đại” để coi thì không cần nhiều công sức, nhưng để thật sự có được phần “nội dung thông tin” phong phú, tức là “phần hồn”, phần huyết mạch đầy sức sống chảy qua các máy, các mạng đó thì đòi hỏi nhiều công sức, trí tuệ và tâm huyết. Xây dựng các cơ sở dữ liệu, các hệ thống thông tin trong mọi lĩnh vực, trong các cơ quan quản lý kinh tế, tài chính, các doanh nghiệp, các cơ sở khoa học, giáo dục, y tế, văn hoá, ..., ứng dụng Công nghệ thông tin để tổ chức truy cập, khai thác, tìm kiếm từ đó những thông tin và tri thức hữu ích đáp ứng các yêu cầu phong phú và đa dạng của mọi mặt trong đời sống sản xuất và kinh doanh, trong các hoạt động kinh tế và xã hội,... dĩ nhiên không phải là việc dễ, nhưng tôi nghĩ là không ngoài tâm cố gắng của đông đảo các năng lực khoa học và công nghệ năng động và sáng tạo của đất nước ta, nếu được khuyến khích đúng hướng. Mặt khác, việc xây dựng kết cấu hạ tầng thông tin quốc gia liên quan đến mọi ngành, mọi cấp, nên trong điều kiện cụ thể của nước ta, cần có một sự phối hợp chỉ đạo ở tầm quốc gia do Chính phủ đảm nhiệm. Trong thời gian đầu thực hiện Nghị quyết 49/CP, đã hình thành được một sự chỉ đạo như vậy, nhưng rồi sau đó đã không được tiếp tục. Và nội dung “xây dựng kết cấu hạ tầng thông tin”, yếu tố nền tảng để phát huy mọi nguồn lực thông tin và tri thức cho hiện đại hoá nền kinh tế nước ta, một công việc chuẩn bị cơ bản cho đất nước ta hội nhập thành công vào nền kinh tế thông tin toàn cầu hoá trong tương lai, bị bỏ mặc để ai muốn tự xoay xở ra sao cũng được, nên chằng hay chớ, và nền kinh tế đất nước thì năm này sang năm khác, vẫn được liệt vào loại “nghèo đói về thông tin”! Giờ đây, vào năm cuối cùng của thập niên 90, có lẽ cũng nên kiểm điểm lại việc thực hiện những gì đã từng vạch ra cho thập niên đó, và hoạch định tiếp tục việc xây dựng tích cực, khẩn trương một kết cấu hạ tầng thông tin quốc gia, làm nền tảng cho việc phát triển các yếu tố của kinh tế thông tin ở nước ta.

III. Một hệ thống giáo dục tiên tiến và lành mạnh.

Để tạo *vốn con người* cho kinh tế tri thức thì trước hết phải có một nền giáo dục tiên tiến và lành mạnh, và rồi tiếp đó là phát triển một xã hội học tập, mọi người đều có ham muốn học, có điều kiện để học và tự học, học liên tục, học suốt đời.

Một nền kinh tế, một xã hội dựa chủ yếu vào nguồn lực thông tin và tri thức chỉ có thể phát triển nếu nguồn lực đó dồi dào, phong phú. Và điều đó phụ thuộc chủ yếu vào việc ta có thể biến đổi nền giáo dục yếu kém, chuộng hư danh hình thức hiện nay nhanh chóng thành một nền giáo dục tiên tiến, lành mạnh hay không? Mấy năm gần đây, ta được nghe nhiều phê phán gay gắt (và nói chung là đúng) đối với các yếu kém của nền giáo dục hiện tại, và những đòi hỏi bức thiết phải cải cách. Nhưng, có lẽ cũng nên suy nghĩ một cách công bằng là mọi thành tích cũng như mọi yếu kém của nền giáo dục đều liên quan chặt chẽ với những thành tích và yếu kém của bản thân hệ thống kinh tế xã hội của nước ta trong giai đoạn vừa qua. Người ta còn ham có những bằng cấp rơm, những hàm vị hư danh, hình thức,... là vì trong môi trường xã hội hiện nay, những thứ đó đôi khi còn dễ tìm đường đạt tới lợi, tới quyền hơn là những năng lực đích thực. Vì vậy, tuy không đơn giản và không thể giải quyết trong ngày một ngày hai, nhưng ta cũng phải nhìn nhận rằng nhân tố có tác động cơ bản nhất đối với một chuyển biến thực sự trong giáo dục là đẩy mạnh công cuộc cải cách kinh tế, cải cách hành chính để tạo ra một môi trường kinh tế xã hội lành mạnh, trong đó mọi lực lượng lao động có năng lực thực, có tri thức thực luôn tìm được cơ hội để vươn lên trong cuộc sống, thu hẹp dần phân đất của những đối trá và tiêu cực, từ đó mà xây đắp dần một mục tiêu và động lực đúng đắn, rõ ràng, không màu mè, cho việc học.

Hiện nay, ngành giáo dục đào tạo đang đề xuất và thực hiện nhiều biện pháp tình thế để giải quyết những yêu cầu bức bách mà xã hội đòi hỏi (như chương trình “nặng”, học nhồi nhét, học thêm dạy thêm, thi cử nặng nề,...), đồng thời cũng đang nghiên cứu dự thảo Chiến lược phát triển giáo dục đào tạo cho tương lai (trước mắt đến năm 2010). Đó là những công việc khó khăn, phức tạp, cũng đòi hỏi được nhìn nhận trên cơ sở một tư duy đổi mới, đặc biệt là phải kết hợp với yêu cầu tạo nguồn vốn con người cho sự phát triển kinh tế tri thức.

Trong tình hình hiện nay, việc đầu tư suy nghĩ để hoạch định một Chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo cũng không thể tách rời việc tìm kiếm các *giải pháp đột phá* nhằm khắc phục những yếu kém hiện tại, và là cũng nhằm dọn đường cho việc thực hiện Chiến lược trong tương lai. Ngoài giải pháp chung về cải cách kinh tế, cải cách hành chính để tạo môi trường trong sạch cho giáo dục, thì tôi nghĩ là phải có giải pháp sớm đối với các vấn đề cấp thiết sau đây: 1) cải thiện đời sống và bồi dưỡng năng lực chuyên môn thường xuyên cho thầy giáo để họ có điều kiện toàn tâm toàn ý cho việc dạy học và tham gia các công việc GDvĐT; 2) cải cách các chế độ thi cử, tuyển chọn, tuyển dụng,... để khắc phục tình trạng học chỉ để thi, học vì bằng cấp, nạn bằng giả, học vị rơm,...; 3) tổ chức chu đáo việc nghiên cứu cải cách chương trình và nội dung dạy học, biên soạn sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy có chất lượng một cách thích hợp ở mọi cấp học; 4) tích cực ứng dụng Công nghệ thông tin và sử dụng Internet trong GDvĐT, trong việc dạy và học, phát triển dần các hình thức tự học,... 5) và để thực hiện các giải pháp đó thì giải pháp quan trọng nhất là phải tìm cách huy động mọi nguồn đầu tư trong xã hội cho GDvĐT, trước hết là tăng ngân sách cho GDvĐT, ít nhất cũng phải được khoảng 23-25% như nhiều nước trong khu vực.

Về chuẩn bị Chiến lược cho tương lai, tôi nghĩ cần có một tư duy mới, một cách nhìn mới về xã hội mà ta sẽ tiến đến, về nền kinh tế tri thức mà ta muốn xây dựng, về những phẩm chất mà con người cần có trong một xã hội và một nền kinh tế như vậy, từ đó mà suy nghĩ về cách tổ chức một nền giáo dục tương ứng. Nói một cách đơn giản thì *hai phẩm chất* mà con người vốn đã từng cần có, và lại càng cần có trong một xã hội thông tin và tri thức tương lai là: một *vốn tri thức cơ bản cùng với lòng ham hiểu biết và sáng tạo*, và một *ý thức trách nhiệm xã hội* (với gia đình, với tập thể, với cộng đồng, với đất nước). Tri thức và sáng tạo là hết sức đa dạng, mỗi người một cách, tùy tâm tùy tài.

Vì vậy, một nền giáo dục lấy mục tiêu là đào tạo con người với hai phẩm chất nói trên sẽ không thể là một nền giáo dục đồng đều, đơn điệu, mà phải phong phú, đa dạng, *hướng tới người học*, phát huy mọi năng lực sáng tạo đặc thù của mọi cá nhân. Từ đó, trong cấu trúc chương trình học, ngoài phần cơ bản chung phải tăng cường các phần tự chọn, tùy theo năng khiếu,... Cùng với các nội dung khoa học, phải tăng cường các nội dung văn hoá, thẩm mỹ, lịch sử, triết học,... Phương pháp dạy và học phải khuyến khích và phát huy mọi ham thích tự tìm kiếm, độc lập suy nghĩ và sáng tạo của người học. Hình thức tổ chức việc học theo kiểu trường lớp hiện nay chắc sẽ được bổ sung và cải tiến theo hướng phát triển mạnh các hình thức học ngoài trường lớp, học qua mạng, tự học và học bất kể thời gian nào,... Thi cử, bằng cấp, học vị chỉ có ý nghĩa đánh dấu một giai đoạn học, chứ tuyệt đối không mang một ý nghĩa quyết định nào đối với việc tuyển chọn, sắp xếp, qui định vị trí xã hội.

Cải cách việc dạy và học trong hệ thống nhà trường đã là một sự nghiệp to lớn, nhưng rồi tạo ra cho được một *xã hội học tập*, một nền giáo dục cho mọi người và cho suốt đời còn đòi hỏi công sức, tâm huyết to lớn hơn nhiều. Như trên đã nói, nền kinh tế tri thức phải được phát triển trên cơ sở một vốn tri thức và một năng lực tạo tri thức phong phú từ mọi người lao động trong xã hội, nên việc kiến tạo môi trường thuận lợi cho một xã hội học tập, trong đó mọi người lao động luôn có khả năng tiếp cận đến mọi nguồn tri thức cần thiết, có điều kiện học hỏi và tìm kiếm sáng tạo, cũng cần được tính đến ngay từ bây giờ.

IV. *Tiếp tục đổi mới tư duy, đặc biệt về kinh tế xã hội.*

Để tạo được nguồn vốn xã hội phong phú theo nghĩa trình bày ở trên, tức là một nguồn vốn trí tuệ phong phú, nhiều ý tưởng mới và sáng tạo, làm nên sức năng động, linh hoạt, có khả năng thích nghi và đổi mới một cách nhạy bén của nền kinh tế và xã hội, thì việc thường xuyên đổi mới tư duy về kinh tế xã hội là có ý nghĩa quyết định. Sự chuyển biến sang kinh tế tri thức thường đòi hỏi những cải cách quyết liệt, đôi khi là những sự “huỷ diệt sáng tạo” (creative destruction), không phá bỏ cái cũ thì không thể mở đường cho việc sáng tạo cái mới, mà kinh tế tri thức thì chỉ có thể phát triển trong một môi trường luôn luôn mở rộng cho những cái mới, và luôn luôn đổi mới. Vì vậy, liên tục *đổi mới tư duy* với những cách nhìn mới, cách hiểu mới trên cơ sở những phát hiện khoa học mới, đặc biệt trong các lĩnh vực khoa học hệ thống, khoa học kinh tế, khoa học tổ chức và quản lý,... , đồng thời không nuôi tiếc những kiểu tư duy không còn phù hợp với điều kiện hiện đại là nhân tố có ý nghĩa quyết định đối với việc tạo dựng một nguồn vốn xã hội ngày càng phong phú, hay nói rõ hơn, một xã hội ngày càng phong phú, giàu có những tư duy mới, những ý tưởng mới, để từ đó, xây dựng kinh tế tri thức ở nước ta.

Thế kỷ 20 là thế kỷ của sự phát triển mạnh mẽ về mọi mặt của xã hội loài người, và đặc biệt của những biến đổi có tính cách mạng trong tư duy và nhận thức của con người đối với tự nhiên và cuộc sống. Từ những thập niên đầu thế kỷ, những đổi mới tư duy trong vật lý học và khoa học tự nhiên đã đưa đến những thành tựu kỳ diệu trong phát triển khoa học và công nghệ; và rồi đến những thập niên trong nửa sau thế kỷ, song song với sự phát triển mạnh mẽ và những chuyển biến to lớn trong các nền kinh tế và trên thị trường thế giới, nhiều lý thuyết khoa học mới về thông tin, về hệ thống, về tổ chức, điều khiển và quản lý,... ra đời, làm cơ sở cho những đổi mới tư duy và nhận thức về bản thân sự phát triển kinh tế-xã hội, cùng với những đổi mới tư duy về các vấn đề tổ chức và quản lý trong môi trường mới của sự phát triển. Đến thập niên cuối cùng của thế kỷ, những tiến bộ và đổi thay dồn dập đã xác định rõ diện mạo của bước chuyển biến có tính chất toàn cầu: chuyển biến sang một nền kinh tế dựa chủ yếu trên các nguồn lực thông tin và tri thức, một xã hội thông tin và tri thức. Và yêu cầu *đổi mới tư duy, đổi mới nhận*

thức để thích nghi và phát triển trong môi trường mới đó của một nền kinh tế thị trường “toàn cầu hoá” đã trở nên cần thiết và cấp bách đối với mọi quốc gia, và tất nhiên lại càng cần thiết và cấp bách đối với những nước còn chậm phát triển như nước ta.

Từ giữa những năm 80, khi bắt đầu công cuộc đổi mới, nước ta thực sự đã bước vào một giai đoạn *tự chuyển biến* đầy kịch lệ và cũng đầy khó khăn, phức tạp. Giai đoạn tự chuyển biến này được thực hiện nhanh hay chậm, hoàn thành sớm hay muộn, chủ yếu là tùy thuộc vào năng lực nội sinh của chúng ta. Đã có nhiều chính sách mới mở đường cho việc giải phóng và phát huy những nhân tố tích cực trong kinh tế và xã hội, tạo nên những nét khởi sắc trong đời sống của đất nước, đó là điều mà ai cũng thấy rõ. Nhưng, đang trong giai đoạn chuyển biến, tức cũng là trong tình trạng giao thời của sự sinh thành từ một trật tự cũ không còn thích hợp sang một trật tự mới có khả năng đáp ứng tốt hơn mục tiêu “dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng văn minh”, quá trình lớn mạnh của những nhân tố mới, tích cực, có khả năng vượt trội và thay thế dần sự níu kéo của các yếu tố cũ không còn thích hợp, đã và còn diễn ra không đơn giản. Sự biến đổi đó xảy ra thường xuyên trong mỗi con người, trong các tổ chức và trong toàn xã hội. Và vì thế ta không lấy làm lạ là trong mọi lĩnh vực, từ kinh tế đến văn hoá, xã hội, giáo dục,... bên cạnh những thành quả tích cực mà khó khăn lắm mới đạt được, vẫn còn đây những tiêu cực phi lý làm nhức nhối lòng người. Trong lĩnh vực kinh tế, sự giằng co giữa cái mới và cái cũ diễn ra một cách quanh co, phức tạp. Cuộc *cải cách cơ cấu*, yếu tố then chốt để xoay chuyển cơ bản tình hình, vẫn diễn ra chậm chạp, nửa vời. Mấy năm gần đây, Nhà nước đã liên tục ban hành nhiều luật lệ, chính sách nhằm tháo gỡ khó khăn cho việc làm ăn, kinh doanh, nhưng tác động thực tế chưa lớn, vì vẫn vấp phải cái “mâu thuẫn hệ thống”: muốn phát triển kinh tế thị trường, đồng thời muốn bảo toàn những thể chế về thực chất là ngược lại các nguyên tắc thị trường.

Từ đầu công cuộc đổi mới, ta đã xem rất đúng rằng *đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế* là điều có ý nghĩa quyết định nhất. Quả thực, trên thế giới trong mấy thập niên vừa qua, những tư duy về kinh tế, về thị trường, về tổ chức và quản lý kinh tế, về hoạt động kinh doanh,... có nhiều đổi mới sâu sắc, những tư duy mới đó không phải là xa lạ với nhiều nhà kinh tế, nhiều doanh nhân của nước ta. Nhưng đáng tiếc là, những tư duy mới đó chưa được phản ánh một cách nhất quán trong những quan điểm cơ bản về đường lối cải cách kinh tế của ta. Để có đủ niềm tin vào sự cần thiết phải có những tư duy mới, ta cần hiểu rằng mọi cách tư duy và nhận thức đều là tương đối, và những tư duy mới là nhằm: *một mặt*, dựa trên những thành tựu khoa học mới giúp chúng ta có những hiểu biết sâu sắc hơn, bản chất hơn về đối tượng nhận thức mà những cách tư duy cũ thường chỉ cho ta những hiểu biết sơ lược, đơn giản; *mặt khác*, giúp ta những nhận thức mới do bản thân đối tượng đã có nhiều biến đổi và đang liên tục biến đổi. Tư duy mới về kinh tế gồm cả hai mặt nói trên, tức vừa là mới do có *cách nhìn mới*, và vừa là mới do bản thân nền kinh tế liên tục có *những chuyển biến mới*.

Với cách nhìn mới, *cách nhìn hệ thống*, đặc biệt với những phát triển gần đây của các lý thuyết về các hệ thống phi tuyến và liên tác là các mô hình phản ánh tốt hơn các đối tượng phức tạp như kinh tế xã hội, trong đó có những cơ chế tạo nên tính vượt trội của hệ thống, cơ chế chuyển đổi từ hỗn độn sang trật tự và ngược lại, khả năng tự tổ chức của hệ thống,..., ta có những cách lý giải mềm dẻo hơn, linh hoạt hơn về các mối quan hệ phức tạp và đa dạng trong một nền kinh tế, trong sự vận hành của cơ chế thị trường, về những sức mạnh nội tại của các cơ chế tự tổ chức và phát triển trong các hệ thống phức tạp, v.v... Nền kinh tế tri thức thế giới đang và sẽ phát triển theo xu thế toàn cầu hoá, thực chất đó là toàn cầu hoá của một nền kinh tế thị trường dựa chủ yếu trên những nguồn lực rất năng động và dễ biến động như tài chính, thông tin và tri thức, những nguồn lực gần như không có biên giới về không gian và cách biệt về thời gian. Một nền kinh tế như vậy không chỉ tuân theo những “qui luật” kinh điển mà ta đã biết,

mà còn chịu tác động của những qui luật mới của cơ chế tự tăng cường, của các liên hệ ngược dương, của luật “tỷ suất lợi nhuận tăng”,... Những yếu tố bất định, bất ổn định, khó tiên đoán được ngày càng nhiều,... Tính chất của hàng hoá và thị trường, đặc biệt là bản chất của tính cạnh tranh, của những ưu thế cạnh tranh trên thị trường, đang có những biến đổi sâu sắc.

Đổi mới nhận thức về sự phát triển của nền kinh tế thị trường hiện đại và về yêu cầu hội nhập có ý nghĩa sống còn của chúng ta vào xu thế chung đó dẫn đến đòi hỏi tất yếu phải đổi mới tư duy về tổ chức và quản lý kinh tế. Có được trang bị những tư duy mới năng động hơn, linh hoạt hơn, nhiều sức sống hơn, thì mới đủ niềm tin để khắc phục những nếp tư duy cũ đã trở thành trì trệ, cản đường cho sự sống mới phát triển. Hơn bao giờ hết, vào lúc này đây, ta cần xác lập và thường xuyên bồi dưỡng một tư duy mới để vững bước tiếp tục con đường cải cách, trước mắt xoá bỏ mọi rào cản để mọi yếu tố tích cực, năng động được tự do phát triển trong một nền kinh tế thị trường lành mạnh, và rồi sau đó tiếp tục chăm lo tạo môi trường thuận lợi cho mọi nhân tố mới, mọi tài năng mới được tự do nảy nở và đua tranh, làm cho đất nước ta dần giàu mạnh trong một nền kinh tế tri thức, vững vàng với tư thế bình đẳng tiến vào con đường hội nhập chung với thế giới. Những năng lực quan trọng nhất mà ta cần có là năng lực thích nghi, đổi mới và sáng tạo trên cơ sở một trí tuệ rộng mở để luôn tìm được đường phát triển trong một thế giới thường xuyên biến đổi.

Kết luận.

Con đường hội nhập đối với ta là tất yếu. Xây dựng được cho mình những yếu tố ngày càng mạnh của kinh tế tri thức là cách duy nhất để có được năng lực cạnh tranh, do đó mà hợp tác một cách bình đẳng trong sự hội nhập đó. Đối với ta, xây dựng kinh tế tri thức chắc không dễ dàng. Tái cấu trúc nền kinh tế và xã hội, đối với mọi quốc gia đều đã là khó khăn, đối với ta lại càng thêm khó khăn vì sự nghiệp công nghiệp hoá mới bắt đầu và nền kinh tế thị trường cũng còn đang ở những bước đầu chập choạng. Nhưng kinh nghiệm của nhiều nước có điều kiện xuất phát gần ta hoặc hơn ta không nhiều cũng đã cho ta nhiều tấm gương sáng. Ta tin vào khả năng vượt khó khăn của dân tộc ta một khi ta biết được khó khăn là ở đâu. Do đó, chúng ta tin tưởng vào tương lai của một nền kinh tế tri thức, một xã hội tri thức sẽ được phát triển trên đất nước ta. Và để củng cố niềm tin đó, tôi xin nhắc một câu mà Peter Drucker, một tác giả nổi tiếng của nhiều tác phẩm về khoa học kinh tế và quản lý hiện đại, mới viết gần đây (1998): “Cuộc cách mạng thông tin đang trên đường tiến tới. Đó không chỉ là cuộc cách mạng về công nghệ, về máy móc, về kỹ thuật, về phần mềm, hay về tốc độ. Đó trước hết là cuộc cách mạng về *các quan niệm...*”